

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/TRIBECO BINH DUONG/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, KCN Việt Nam- Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274.3768780

Fax: 0274.3767849

E- mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 Version 5.1 số 38162112001. Ngày cấp/Nơi cấp: Công ty TNHH Intertek Việt Nam, số 38 đường Huỳnh Lan Khanh, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG – NƯỚC TĂNG LỰC X2**
2. Thành phần: Nước, đường, chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii)), maltodextrin, hỗn hợp hương trái cây tổng hợp, chất chống oxy hóa (300), chất bảo quản (211), caffeine (250mg/l), taurine (200mg/l), chiết xuất nhân sâm (100mg/l), màu tổng hợp (102, 124), vitamin B3 (12.5mg/l), vitamin B6 (2.5mg/l).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Thê tích thực 250 ml hay theo nhu cầu của thị trường.
 - Chất liệu bao bì: Lon nhôm. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, KCN Việt Nam- Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Địa chỉ: Đường D2, KCN Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã hóa và địa chỉ nơi sản xuất: xem bên cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-2:2010/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn.
- Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 Version 5.1 số 38162102001.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 18 tháng 04 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



WU JUNG TE

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 18/2023-RD TBC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Thông báo bổ sung danh mục chỉ tiêu kỹ thuật

Bình Dương, ngày 07 tháng 07 năm 2023

Sản phẩm Thực phẩm bổ sung –Nước tăng lực X2

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3768780

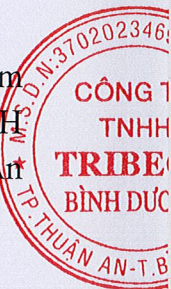
Fax: 0274.3767849

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số hồ sơ công bố: 10/TRIBECO BINH DUONG/2023

Sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG – NƯỚC TĂNG LỰC X2

Hiện tại, chúng tôi muốn bổ sung thêm **danh mục chỉ tiêu kỹ thuật** cho Sản phẩm Thực phẩm bổ sung – Nước tăng lực X2 với số tự công bố là 10/TRIBECO BINH DUONG/2023 và tự công bố ngày 18/04/2023, được xác nhận thông tin bởi Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Tỉnh Bình Dương.(Đính kèm bên dưới).



Danh mục chỉ tiêu kỹ thuật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/250ml	≤ 230
2	Chất đạm	g/250ml	< 0.1
3	Chất béo	g/250ml	< 0.1
4	Chất béo bão hòa	g/250ml	< 0.1
5	Carbohydrate	g/250ml	≥ 33
6	Đường tổng	g/250ml	≤ 51
7	Natri	mg/250ml	≤ 368
8	Vitamine B3	mg/250ml	2 – 5

9	Vitamine B6	mg/250ml	0.4 – 1
---	-------------	----------	---------

Chúng tôi chỉ bổ sung thêm ***danh mục chỉ tiêu kỹ thuật*** mà không thay đổi nội dung về thành phần, giá trị dinh dưỡng, cách sử dụng và bảo quản phù hợp theo Nghị Định số 15/2018/NĐ-CP.

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: phòng R&D



TỔNG GIÁM ĐỐC

WU JUNG TE





250ml Standard KEYLINE-de VIB

Black

Blue

Gold

Dk.Orange

Red

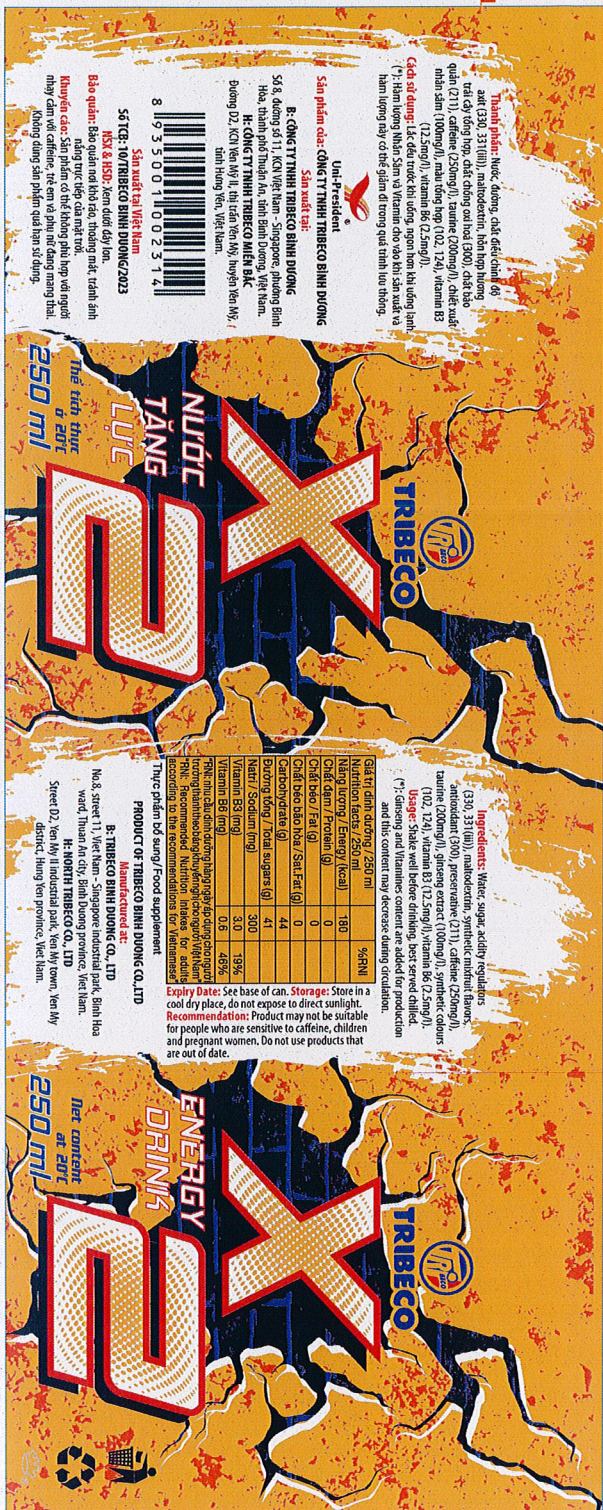
White

TLX2 - Tribeco

Pro.Code: 52-929.05

13/03/2023

202



Handwritten signatures and codes: 8/410423, B. T. N. N. N.

65.18

Neck 202

CÔNG TY CP GIẤY VÀ BAO BÌ PHÚ AN

KHÁCH HÀNG:		TRIBECO		MÃ CODE:		Ngày phát hành bản vẽ:		Mời		Thiết kế		CÔNG TY TNHH TRIBECHO BÌNH DƯƠNG	
TÊN SẢN PHẨM:		Thùng Tribeco Energy Drink X2		MÃ SỐ KHUÔN BÉ:		22-02-2023		✓		Kiểm tra		TP THUAN AN - BÌNH DƯƠNG	
QUY CÁCH KÍCH THƯỚC:		412 x 271 x 95 mm		Màu sắc		Yellow		Red		Orange		Blue	
PRINT:		Máy in 4M		Máy in 7M		✓		Trame		Thư tự trực in		Ký duyệt	
Ghi chú:		5											

Thùng 8 24/04
Bưu Tín Nào

Manufactured at:

B: TRIBECO BÌNH DƯƠNG CO.,LTD

No.8, street 11, Viet Nam-Singapore industrial park, Binh Hoa ward, Thuan An city, Binh Duong province, Viet Nam.

H: NORTH TRIBECO CO.,LTD

Street D2, Yen My II industrial park, Yen My town, Yen My district, Hung Yen province, Viet Nam.

Sản xuất tại:

B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Số 8, đường số 11, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Đường D2, KCN Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

TƯ VẤN KHÁCH HÀNG:

chamsockhachang@tribeco.com.vn

CUSTOMER SERVICE:

chamsockhachang@tribeco.com.vn



8 935001 002604

24 LON

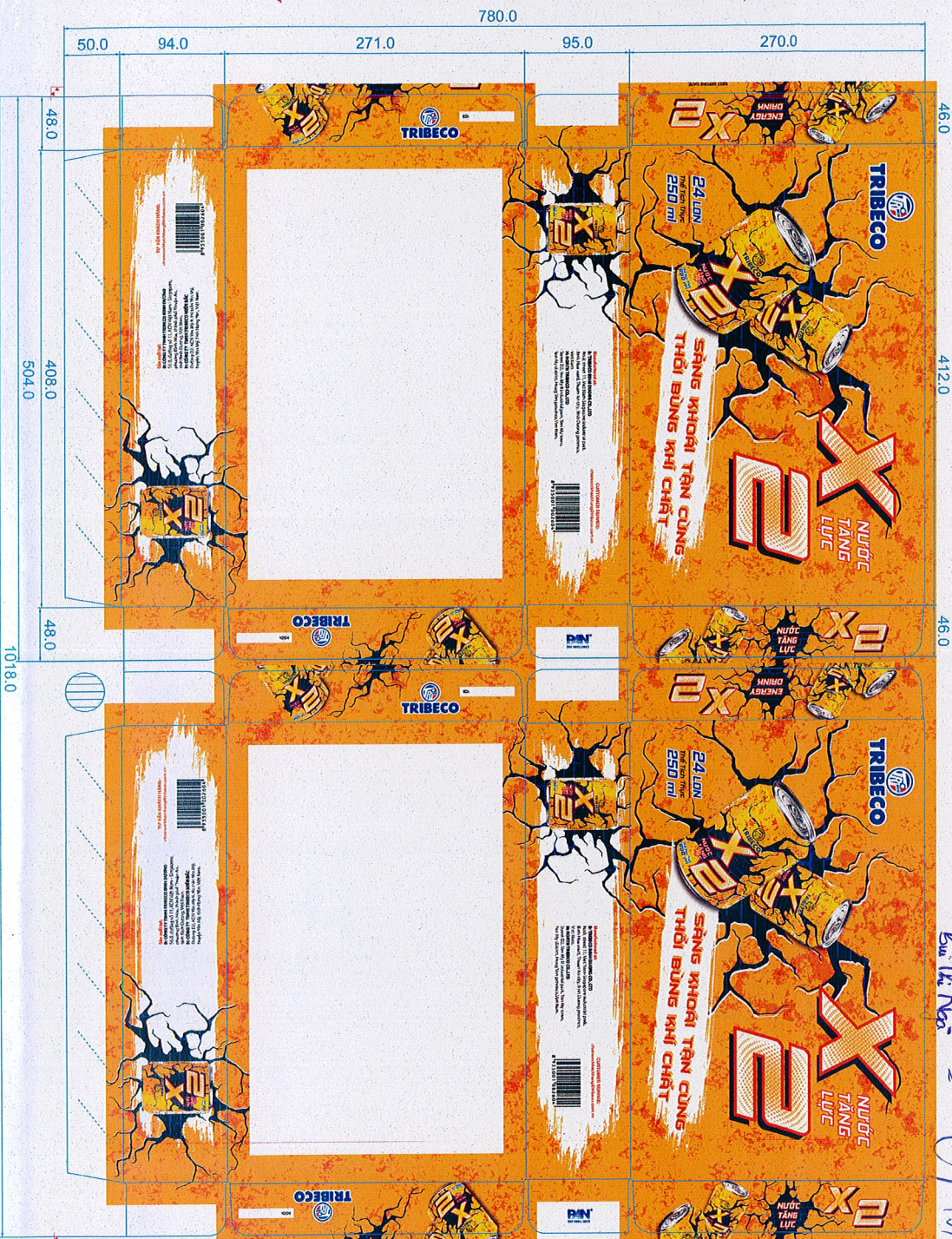
Thể tích thực
250 ml



TRIBECO

SÀNG KHOẢI TẬN CÙNG
THỜI BÙNG KHÍ CHẤT

Chiều in máy 7 màu - Tỷ lệ rút 98%



KT3-00152BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/02/2023
Page 01/03

1. Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG : NƯỚC TĂNG LỰC X2 (LON)
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 09/01/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 10/01/2023 – 09/02/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Customer Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02&03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00152BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/02/2023
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng/ Calories • kcal/100 mL	QTTN/ KT3 024 : 2018		-	74
7.2. Hàm lượng protein, g/100 mL Protein content	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		0,1	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng béo, g/100 mL Fat content	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 mL Saturated fat content	AOAC 2019 (996.06)		$9,0 \times 10^{-4}$	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng carbohydrate, g/100 mL Carbohydrate content	QTTN/KT3 317:2022		-	18,5
7.6. Hàm lượng đường tổng theo sacaroza, g/100 mL Total sugar content as sucrose	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)		-	17,0
7.7. Hàm lượng natri, mg/100 mL Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		80,2
7.8. Hàm lượng chì, mg/L Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	$1,80 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng vitamin B3 (nicotinamide), mg/L Vitamin B3 content	QTTN/KT3 036:2016	-		12,7
7.10. Hàm lượng vitamin B6 (pyridoxine hydrochloride), mg/L Vitamin B6 content	QTTN/KT3 037 : 2016 (HPLC/FD)	-		2,10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00152BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

09/02/2023
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :

Test results Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.11. Hàm lượng taurine, Taurine content	mg/L QTTN/KT3 220:2018 (Ref: TCVN 8476:2010)	-		167
7.12. Hàm lượng cafein, Caffeine content	mg/L TCVN 8471:2010	-		213
7.13. Hàm lượng ginsenosides Rb ₁ , Ginsenosides Rb ₁ content	µg/L QTTN/KT3 120:2015	500		Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng ginsenosides Rg _{3(s)} , Ginsenosides Rg _{3(s)} content	µg/L QTTN/KT3 120:2015	500		Không phát hiện Not detected
7.15. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, Total aerobic plate count	CFU/mL ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.16. Coliform, Coliform	CFU/mL ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.17. E.Coli, E.Coli	CFU/mL ISO 16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.18. Enterococci, Streptococci faecal	CFU/mL ISO 7899-2:2000	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.19. Staphylococcus aureus, Staphylococcus aureus	CFU/mL AOAC 2019 (975.55)	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.20. Pseudomonas aeruginosa, Pseudomonas aeruginosa	CFU/mL ISO 16266 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.21. Clostridium perfringens, Clostridium perfringens	CFU/mL ISO 7937 : 2004	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.22. Tổng số nấm men & nấm mốc, Total yeasts & moulds	CFU/mL ISO 21527-1:2008	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(*) : Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.